

Số: 8451/QĐ-BV

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi E-HSMT

Gói thầu số 02: Thi công cải tạo hạng mục Nhà tang lễ số 01.

Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Đợt 2)

Dự án thành phần 1: Cải tạo, nâng cấp Nhà tang lễ số 01 và trạm xử lý nước thải thuộc Dự án đầu tư xây dựng Mở rộng Nhà tang lễ Quốc gia tại số 5 Trần Thánh Tông, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG QUÂN ĐỘI 108

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình hoạt động đấu thầu;

Căn cứ các Thông tư Bộ Quốc phòng: Số 128/2021/TT-BQP ngày 01/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư công trong Bộ Quốc phòng; số 73/2023/TT-BQP ngày 06/10/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 128/2021/TT-BQP ngày 01/10/2021; số 120/2024/TT-BQP ngày 26/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 106/2021/TT-BQP ngày 06/8/2021 quy định về thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trong Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày 07/6/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng Mở rộng Nhà tang lễ Quốc gia tại số 5 Trần Thánh Tông, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2917/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày 08/7/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng Mở rộng Nhà tang lễ Quốc gia tại số 5 Trần Thánh Tông, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2497/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày 05/6/2024 về việc phê duyệt dự án thành phần 1: Cải tạo nâng cấp Nhà tang lễ số

01 và trạm xử lý nước thải thuộc dự án Đầu tư xây dựng Mở rộng Nhà tang lễ Quốc gia tại số 5 Trần Thánh Tông, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Bệnh viện TWQĐ 108: Số 4286/QĐ-BV ngày 30/06/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Quyết định số 4287/QĐ-BV ngày 30/06/2025 về việc thành lập Ban Quản lý dự án thành phần 01: Cải tạo, nâng cấp Nhà tang lễ số 01 và Trạm xử lý nước thải thuộc dự án: ĐTXD Mở rộng Nhà tang lễ Quốc gia tại số 5 Trần Thánh Tông, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Số 7664/QĐ-BV ngày 27/10/2025 về việc phê duyệt thiết kế xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp Nhà tang lễ số 01 và Trạm xử lý nước thải; Quyết định số 7679/QĐ-BV ngày 28/10/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 2); Số 8014/QĐ-BV ngày 06/11/2025 về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 02: Thi công cải tạo hạng mục Nhà tang lễ số 01.

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng Ban Quản lý Dự án thành phần 1 tại Tờ trình số: 16/TTr-QLDATP1 ngày 18/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi E-HSMT gói thầu số 02: Thi công cải tạo hạng mục Nhà tang lễ số 01 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Đợt 2), Dự án thành phần 1: Cải tạo, nâng cấp Nhà tang lễ số 01 và Trạm xử lý nước thải thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà tang lễ Quốc gia tại số 5 Trần Thánh Tông, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (*Nội dung chi tiết trong Phụ lục kèm theo*)

Điều 2. Ban Quản lý dự án thành phần 1 căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, triển khai các bước tiếp theo về đấu thầu gói thầu số 02: Thi công cải tạo hạng mục Nhà tang lễ số 01 thuộc dự án thành phần 1: Cải tạo, nâng cấp Nhà tang lễ số 01 và Trạm xử lý nước thải thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà tang lễ Quốc gia tại số 5 Trần Thánh Tông, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng Ban quản lý các dự án thành phần 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo DATP1;
- Ban QLDATEP1;
- Lưu: VT, Ban QLDATEP1,H06.

GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Lê Hữu Song

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 8451/QĐ-BV ngày 19/11/2025)

Gói thầu số 02: Thi công cải tạo hạng mục Nhà tang lễ số 01.

Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Đợt 2)

Dự án thành phần 1: Cải tạo, nâng cấp Nhà tang lễ số 01 và trạm xử lý nước thải thuộc Dự án đầu tư xây dựng Mở rộng Nhà tang lễ Quốc gia tại số 5 Trần Thánh Tông, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Sửa đổi E-HSMT gồm các nội dung cụ thể sau:

1. Bổ sung bản vẽ hạng mục Phòng cháy chữa cháy.
2. Điều chỉnh bản vẽ hạng mục Cải tạo nhà tang lễ:
 - Xóa bỏ bản vẽ số hiệu DC-01 tại Trang 46 của file đính kèm “HSTK nhà tang lễ-1”;
 - Điều chỉnh nội dung bản vẽ số hiệu ĐH-13 tại Trang 15 của file đính kèm “HSTK nhà tang lễ-2” (Chi tiết: Bỏ 3 hạng mục Quạt hút mùi gắn tường; Quạt cấp hương trực nối ống gió và Quạt cắt gió thuộc Mục D- Quạt thông gió)
3. Điều chỉnh Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu:

** Mẫu số 01B. BẢNG KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC MỜI THẦU*

TT	Nội dung đã đăng tải			Nội dung sau bổ sung, điều chỉnh		
	STT	Mô tả công việc mời thầu	Khối lượng mời thầu	STT	Mô tả công việc mời thầu	Khối lượng mời thầu
1	3.2.1	Thiết bị phần điều hòa AHU - Công suất lạnh: 36HP (100,0KW); môi chất lạnh: R410A Công suất điện: 27,6KW Nguồn điện: 3P/380V/50hz	2	3.2.1	Bộ xử lý không khí AHU-01	1
2	3.2.2	Thiết bị phần điều hòa AHU - Công suất lạnh: 54HP (150,0KW); môi chất lạnh: R410A Công suất điện: 41,4KW Nguồn điện: 3P/380V/50hz	2	3.2.2	Bộ xử lý không khí AHU-02	1
3	3.2.3	Thiết bị phần điều hòa AHU - Thiết bị xử lý không khí AHU - QUẠT Plug fan Công suất lạnh: 241KW (86HP)	1	3.2.3	Dàn nóng - Dàn nóng 01 kết nối AHU-01 Công suất lạnh: 168kW	1

TT	Nội dung đã đăng tải		Nội dung sau bổ sung, điều chỉnh			
		Lưu lượng cấp: 41000m ³ /h Lưu lượng hồi: 38000m ³ /h Công suất điện: 18,5KW Nguồn điện: 3P/380V/50hz Bao gồm cả tủ điều khiển, AHU kit,...				
4	3.2.4	Thiết bị phần điều hòa AHU - Thiết bị xử lý không khí AHU - QUẠT Plug fan Công suất lạnh: 235KW(84HP) Lưu lượng cấp: 40000m ³ /h Lưu lượng hồi: 37000m ³ /h Công suất điện: 18,5KW Nguồn điện: 3P/380V/50hz Bao gồm cả tủ điều khiển, AHU kit,...	1	3.2.4	Dàn nóng - Dàn nóng 02 kết nối AHU-01 Công suất lạnh: 72.5kW	1
5	3.2.5	Thiết bị phần điều hòa AHU - Remote nối dây	2	3.2.5	Dàn nóng - Dàn nóng 01 kết nối AHU-02 Công suất lạnh: 168kW	1
6	3.2.6	Thiết bị phần điều hòa AHU - Bộ chia ga dàn nóng	12	3.2.6	Dàn nóng - Dàn nóng 02 kết nối AHU-02 Công suất lạnh: 68.5kW	1
7	3.2.7	Thiết bị phần điều hòa VRV/VRF - DÀN NÓNG VRV/VRF 1 CHIỀU	2	3.2.7	Dàn nóng - Remote nối dây	2
8	3.2.8	Thiết bị phần điều hòa VRV/VRF - DÀN LẠNH VRV/VRF 1 CHIỀU (Điều hòa cassette âm trần)	8	3.2.8	Dàn nóng - Bộ chia ga dàn nóng	4
9	3.2.9	Thiết bị phần điều hòa VRV/VRF - Remote nối dây	8	3.2.9	Thiết bị phần điều hòa VRV/VRF - Dàn nóng trung tâm VRF Công suất lạnh: 68.5kW	2
10	3.2.10	Thiết bị phần điều hòa VRV/VRF - Bộ chia ga dàn nóng	2	3.2.10	Thiết bị phần điều hòa VRV/VRF - Dàn lạnh Cassette âm trần VRF Công suất lạnh: 16kW	8

TT		Nội dung đã đăng tải		Nội dung sau bổ sung, điều chỉnh		
11	3.2.11	Thiết bị phần điều hòa VRV/VRF - Bộ chia ga dàn lạnh	6	3.2.11	Thiết bị phần điều hòa VRV/VRF - Remote nối dây	8
12	3.2.12	Thiết bị phần điều hòa cục bộ - ĐIỀU HÒA CỤC BỘ 1 CHIỀU (Điều hòa cassette âm trần)	2	3.2.12	Thiết bị phần điều hòa VRV/VRF - Bộ chia ga dàn lạnh	6
13	3.2.13	Thiết bị phần điều hòa cục bộ - Remote nối dây	2	3.2.13	Thiết bị phần điều hòa VRV/VRF - Bộ chia ga dàn nóng	2
14	3.2.14	Quạt thông gió - Quạt hút mùi gắn tường	3	3.2.14	Thiết bị phần điều hòa cục - Điều hòa cục bộ treo tường Công suất lạnh: 7.1kW	2
15	3.2.15	Quạt thông gió - Quạt cấp hướng trục nối ống gió	1			
16	3.2.16	Quạt thông gió - Quạt cắt gió	19			

4. Điều chỉnh Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật như sau:

TT	Nội dung đã đăng tải	Nội dung sau bổ sung, điều chỉnh	Ghi chú
1	- Tường trong và ngoài nhà: bóc dỡ đá ốp hiện trạng, thay mới bằng đá Granite KT 800x800mm. Hoàn thiện ốp đá khu vực mặt dựng hành lễ bao gồm mài mặt dựng, đánh bóng và xử lý mạch lát tương đồng màu đá. Tường phòng liệm ốp gạch Porcelain KT 800x800mm.	- Tường trong và ngoài nhà: bóc dỡ đá ốp hiện trạng, thay mới bằng đá Granite tương ứng KT 800x800mm và 600x600mm. Hoàn thiện ốp đá khu vực mặt dựng hành lễ bao gồm mài mặt dựng, đánh bóng và xử lý mạch lát tương đồng màu đá. Tường phòng liệm ốp gạch Porcelain KT 800x800mm.	Phân giải pháp thiết kế kiến trúc Mục I c.2
2	- Nền tầng 1, tầng 2: Bóc dỡ nền hiện trạng. Thay mới nền tầng 1 bằng đá Granite KT 800x800mm (hoàn thiện lát đá bao gồm mài sàn, đánh bóng và xử lý mạch lát tương đồng màu đá); tầng 2 lát gạch Porcelain KT 800x800mm.	- Nền tầng 1, tầng 2: Bóc dỡ nền hiện trạng. Thay mới nền tầng 1 bằng đá Granite KT 800x800mm (hoàn thiện lát đá bao gồm mài sàn, đánh bóng và xử lý mạch lát tương đồng màu đá); tầng 2 hành lang và phòng đội nhạc lát gạch Porcelain KT 600x600mm.	Phân giải pháp thiết kế kiến trúc Mục I c.2
3	- Mái, sê nô: Bóc dỡ toàn bộ lớp hoàn thiện hiện trạng; làm mới lớp chống thấm, chống nóng bằng tấm bê tông nhẹ gác trụ	- Mái, sê nô: Bóc dỡ toàn bộ lớp hoàn thiện hiện trạng; làm mới lớp chống thấm, chống nóng bằng tấm bê tông nhẹ gác trụ	Phân giải pháp thiết kế kiến trúc Mục

TT	Nội dung đã đăng tải	Nội dung sau bổ sung, điều chỉnh	Ghi chú
	gạch trên lớp chống thấm, lớp bê tông phụ gia chống thấm (lưới thép Ø4a200); Lát nền mái bằng gạch lá nem KT 800x800mm...	gạch trên lớp chống thấm, lớp bê tông phụ gia chống thấm (lưới thép Ø4a200); Lát nền mái bằng gạch lá nem KT 600x600mm...	I c.2
4	Gương (GL01)	Gương (GL01) vệ sinh công cộng	STT9 Mục d.1
5	Tấm Compact (TC01)	Tấm Compact (TC01) vệ sinh công cộng - Màu sắc: theo thiết kế/CĐT duyệt;	STT10 Mục d.1
6	Gạch Porcelain (TL01)	Gạch Porcelain (TL01) - Tường vệ sinh công cộng	STT14 Mục d.1
7	Gạch Porcelain (TL02)	Gạch Porcelain (TL02) - Sàn vệ sinh công cộng	STT15 Mục d.1
8	Gạch Porcelain (TL03)	Gạch Porcelain (TL03) - Sàn hành lang, phòng đội nhạc tầng 2	STT16 Mục d.1
9	Gạch Porcelain (TL04)	Gạch Porcelain (TL04) - Tường Phòng liệm tầng 1	STT17 Mục d.1
10	Gạch lá nem (TL05)	Gạch lá nem (TL05) - Sàn mái	STT18 Mục d.1
11	Đá - Ốp chậu rửa khu vệ sinh tầng 1 (ST07)	Đá - Ốp chậu rửa khu vệ sinh (ST07)	STT27 Mục d.1
12	Dàn nóng 01 Công suất lạnh: 36HP (100,0KW); môi chất lạnh: R410A Công suất điện: 27,6KW Nguồn điện: 3P/380V/50hz	Dàn nóng kết nối AHU-01 - Dàn nóng 01: + Công suất lạnh: $\geq 168\text{kW}$ + Tiêu thụ điện: $\leq 46,53\text{ kW}$ + Độ ồn: $\leq 70\text{dB}$ + Mitsubishi Thái Lan hoặc tương đương - Dàn nóng 02: + Công suất lạnh: $\geq 72.5\text{kW}$ + Tiêu thụ điện: $\leq 16,51\text{kW}$ + Độ ồn: $\leq 63,5\text{dB}$ + Mitsubishi Thái Lan hoặc tương đương	STT II.1 Mục d.2
13	Dàn nóng 02 Công suất lạnh: 54HP(150,0KW); môi chất lạnh: R410A Công suất điện: 41,4KW Nguồn điện: 3P/380V/50hz	Dàn nóng kết nối AHU-02 - Dàn nóng 01: + Công suất lạnh: $\geq 168\text{kW}$ + Tiêu thụ điện: $\leq 46,53\text{ kW}$ + Độ ồn: $\leq 70\text{dB}$ + Mitsubishi Thái Lan hoặc	STT II.2 Mục d.2

TT	Nội dung đã đăng tải	Nội dung sau bổ sung, điều chỉnh	Ghi chú
		tương đương - Dàn nóng 02: Công suất lạnh: 68.5kW + Công suất lạnh: $\geq 68.5\text{kW}$ + Tiêu thụ điện: $\leq 15,25\text{kW}$ + Độ ồn: $\leq 63,5\text{dB}$ + Mitsubishi Thái Lan hoặc tương đương	
14	Dàn nóng trung tâm VRF Công suất lạnh: 24HP(67,0KW); môi chất lạnh: R410A Công suất điện: 20,2KW Nguồn điện: 3P/380V/50hz	Dàn nóng trung tâm VRF + Công suất lạnh: $\geq 68.5\text{kW}$ + Tiêu thụ điện: $\leq 15,25\text{kW}$ + Độ ồn: $\leq 63,5\text{dB}$ + Mitsubishi Thái Lan hoặc tương đương	STT III.1 Mục d.2
15	Dàn lạnh cassette âm trần VRF Điều hòa cassette âm trần Công suất lạnh: 16KW (55000BTU/H) Nguồn điện: 1P/220V/50hz	Dàn lạnh Cassette âm trần VRF + Công suất lạnh: $\geq 16\text{kW}$ + Tiêu thụ điện: $\leq 0,11\text{kW}$ + Độ ồn: $\leq 45\text{ dB}$ + Mitsubishi Thái Lan hoặc tương đương	STT III.2 Mục d.2
16	Điều hòa cục bộ Cassette Điều hòa cassette âm trần Công suất lạnh: 7,1KW (24000BTU/H) Nguồn điện: 1P/220V/50hz Phụ kiện kèm theo: Remote nối dây	Điều hòa cục bộ treo tường + Công suất lạnh: $\geq 7.1\text{kW}$ + Tiêu thụ điện: $\leq 1,99\text{kW}$ + Độ ồn dàn nóng: $\leq 53\text{ dB}$ + Độ ồn dàn lạnh: $\leq 57\text{ dB}$ + Mitsubishi Thái Lan hoặc tương đương	STT IV.1 Mục d.2